TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Vạn**
2. Ông **Huỳnh Minh Chánh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 621/2016/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2016 về việc "Tranh chấp về ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 141/2017QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: **Bà Vũ Thị Thanh T,** sinh năm: 1968
Địa chỉ: phường LX, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh
Bị đơn: **Ông Hồ Văn T**, sinh năm: 1970
Địa chỉ: xã PP, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh

(bà T và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2016 bà Vũ Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Hồ Văn T chung sống với nhau từ năm 1992, do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phong Phú vào năm 1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì nhưng từ năm 2009 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc,ông T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Tôi đã cố gắng bỏ qua để hàn gắn tình cảm gia đình

nhưngông T không thay đổi, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Hồ Vũ Thảo V, sinh năm: 1993 (đã trưởng thành) và Hồ Vũ Anh D, sinh ngày: 14/8/2002, Sau khi khi ly hôn bà T xin được nuôi trẻ D và không yêu cầuông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Ông Hồ Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Hồ Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Thanh T đối với ông Hồ Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:Bà Vũ Thị Thanh T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Hồ Văn T. Ông Hồ Văn T hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Hồ Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Hồ Văn T theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Vũ Thị Thanh T có đơn giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Hồ Văn T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Vũ Thị Thanh T và ông Hồ Văn T nhưngông T không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Hồ Văn T tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Hồ Văn T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 1/97 do Ủy ban nhân dân xã PP, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/9/1997 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị Thanh T và ông Hồ Văn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi

người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà T thì giữa bà và ông T bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Thanh T với ông Hồ Văn T.

[6] Về con chung:bà T và ông T có 02 con chung tên Hồ Vũ Thảo V, sinh năm: 1993 (đã trưởng thành) và Hồ Vũ Anh D, sinh ngày: 14/8/2002. Sau khi ly hôn,bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện trẻ D đang sống chung với bà T, đồng thời tại biên bản lấy lời khai trẻ D nếu ba mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì trẻ D muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Hồ Vũ Anh D, sinh ngày: 14/8/2002 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Bà Vũ Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 81,82,83,84,116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Thanh T với ông Hồ Văn T

Bà Vũ Thị Thanh T được ly hôn với ông Hồ Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 1/97do Ủy ban nhân dân xã PP, huyện BC, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/9/1997 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Vũ Thảo V, sinh năm: 1993 (đã trưởng thành) và Hồ Vũ Anh D, sinh ngày: 14/8/2002. Giao trẻ Hồ Vũ Anh D cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Thanh T chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí màbà T đã nộp theo biên lai thu số 0020108 ngày 10/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Đặng Thị Vân Hương

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.